TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 48/2019/QĐST-HNGĐ	*Sông Lô, ngày 12 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Đàm Văn M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí;

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị B và anh Đàm Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị B và anh M đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Đàm Văm M (Đàm Minh N), sinh ngày 20/6/2016, hiện nay cháu M đang ở cùng anh M. Ly hôn anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Văm M (Đàm Minh N), sinh

ngày 20/6/2016. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn việc thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản riêng: Anh M có nghĩa vụ trả cho chị B 4,5 chỉ vàng 9999 = 16.200.000đ (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) là tài sản riêng của chị B.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị B, anh M đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất qui định của bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị B tự nguyện nộp 150.000đ nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001508 ngày 24/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Trả lại chị Lê Thị B 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Quốc Hồng